

VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN CẢNH HUỆ*

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta khẳng định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng cấu thành của nền kinh tế đất nước. Đầu tư nước ngoài góp phần khai thác các nguồn lực trong nước, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ sự nghiệp hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước.

Từ năm 1988 đến giữa 2003, Chính phủ Việt Nam đã cấp giấy phép cho 4.650 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 50,65 tỷ USD. Trừ các dự án đã hết hạn hoặc giải thể trước thời hạn, còn gần 4000 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký 39 tỷ USD và vốn thực hiện đạt 21 tỷ USD. Có hơn 70 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trải rộng trên 60 tỉnh, thành phố trong cả nước và hoạt động hầu khắp các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam⁽¹⁾. Trong những năm qua, đầu tư từ các nước thành viên ASEAN giữ vị trí

quan trọng (dẫn đầu về vốn đầu tư trong đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Đến nay, hầu hết các nước thành viên ASEAN đều có đầu tư vào Việt Nam (trừ Campuchia và Mianma); trong đó chiếm vị trí đầu tiên là Xingapo, tiếp theo là Thái Lan, Malaixia; Philippin... Bài viết của chúng tôi nhằm điểm qua tình hình đầu tư của các nước ASEAN ở Việt Nam và bước đầu rút ra một vài nhận xét.

I. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN ASEAN Ở VIỆT NAM

1. Đầu tư của Xingapo

Năm 1973, Việt Nam - Xingapo thiết lập quan hệ ngoại giao. Nhưng, do những biến động của tình hình trong nước, sự tác động của tình hình phức tạp ở khu vực và trên thế giới, quan hệ hai nước trải qua những bước thăng trầm. Từ đầu thập niên 90 trở lại đây,

* TS. Nguyễn Cảnh Huệ, Viện Sử học.

do tình hình khu vực và thế giới có nhiều thuận lợi và sự nỗ lực của lãnh đạo hai nước, quan hệ Xingapo - Việt Nam phát triển nhanh chóng, nhảy vọt, nhất là trong lĩnh vực quan hệ kinh tế. Đầu tư trực tiếp của Xingapo ở Việt Nam là một lĩnh vực nổi bật trong quan hệ hai nước trong thời gian qua.

Ngay từ thập niên 70, Xingapo đã bắt đầu thăm dò khả năng đầu tư vào Việt Nam. Năm 1991, sau khi Hiệp định hoà bình về Campuchia được ký kết, Xingapo bãi bỏ lệnh cấm đầu tư vào Việt Nam. Từ năm 1991, đầu tư của Xingapo tăng lên nhanh chóng và đến tháng 10-1993 đã vươn lên đứng hàng thứ 9 trong 10 nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với tổng số vốn lên 225,3 triệu USD. Từ năm 1998 đến nay, Xingapo luôn là một trong những nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Tính đến 10-2004, Xingapo có 321 dự án còn hiệu lực và tổng số vốn đăng ký 7.961,28 tỷ USD.

Về lĩnh vực đầu tư. Các doanh nghiệp Xingapo có mặt trong hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam, song tập trung nhiều nhất là lĩnh vực dịch vụ với 104 dự án cùng hơn 4,885 tỷ USD và đã thực hiện được trên 1,222 tỷ USD; trong đó riêng 39 dự án khách sạn-du lịch và văn phòng-căn hộ đã chiếm hơn 1,963 tỷ USD và đã thực hiện được trên 970 triệu USD. Tiếp đến là công nghiệp, chiếm 147 dự án với hơn 2,518 tỷ USD và đã thực hiện được khoảng 1,423 tỷ USD; trong đó riêng công nghiệp thực phẩm có 24 dự án với

hơn 1,133 tỷ USD và đã thực hiện được 781 triệu USD. Trong đầu tư của Xingapo ở Việt Nam, dự án khu công nghiệp Việt Nam-Xingapo tại Bình Dương (VSIP) là dự án lớn nhất với tổng vốn đầu tư giai đoạn đầu là 210 triệu USD. Dự án này được coi là hình mẫu về quản lý và thu hút vốn trong các khu công nghiệp do nước ngoài đầu tư.

Về địa bàn đầu tư. Doanh nghiệp của Xingapo cho đến nay có mặt trên 25 tỉnh, thành của Việt Nam nhưng tập trung nhiều hơn vẫn là những địa phương có cơ sở hạ tầng kinh tế-kỹ thuật tương đối tốt và có sự điều hành thông thoáng như: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội, Bà Rịa-Vũng Tàu, Hà Tây, Hải Phòng...

Về hình thức đầu tư. Đầu tư của Xingapo tại Việt Nam được thực hiện theo 3 hình thức. Đó là liên doanh có 120 dự án với số vốn 5.615,5 triệu USD và doanh thu 2.501,66 triệu USD; 100% vốn nước ngoài có 121 dự án với số vốn 1.016,3 triệu USD và doanh thu 563,42 triệu USD; hợp đồng hợp tác kinh doanh có 13 dự án với số vốn 275,84 triệu USD và doanh thu 366,38 triệu USD.

Về hiệu quả đầu tư. Các dự án của Xingapo đã thực hiện được khối lượng vốn khá lớn, trị giá trên 2,776 tỷ USD, chỉ đứng sau nhóm dự án của Nhật Bản và chiếm tỷ trọng gần 12,1% tổng khối lượng vốn đã thực hiện (không kể những dự án đã hết hạn và những dự án bị giải thể trước thời hạn). Nếu không tính 3 dự án khu đô thị mới tại Hà Nội và dự án khu du lịch Đà Lạt- Đankia có tổng

số vốn đầu tư đăng ký khoảng 3 tỷ USD (nhưng chưa triển khai do Xingapo gặp khó khăn về vốn sau cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ) thì tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đầu tư đăng ký là đạt khá cao, với mức trên 63%. Theo một quan chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đầu tư của Xingapo đã góp phần tích cực trong việc tạo ra bước đột phá trong phát triển ngành công nghiệp thực phẩm và ngành du lịch của Việt Nam⁽²⁾.

2. Đầu tư của Thái Lan

Thái Lan là nước láng giềng gần của Việt Nam và hai nước có quan hệ từ lâu đời. Bước sang thời kỳ hiện đại, do tác động của tình hình khu vực, thế giới và sự chi phối của chính sách mỗi nước, quan hệ hai nước trải qua những bước thăng trầm. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, đặc biệt là từ khi vấn đề Campuchia được giải quyết và Việt Nam gia nhập ASEAN, quan hệ Việt Nam-Thái Lan phát triển nhanh chóng. Hiện nay, Thái Lan là một trong những đối tác quan trọng của Việt Nam về đầu tư trực tiếp, thương mại hàng hoá và dịch vụ.

Về đầu tư trực tiếp của Thái Lan ở Việt Nam. Từ 12-1987, khi Việt Nam ban hành luật đầu tư nước ngoài đến năm 1993 là giai đoạn các nhà đầu tư Thái Lan chủ yếu tìm hiểu thị trường, đầu tư các dự án nhỏ. Kể từ năm 1994 trở đi, đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam được thực hiện bởi các công ty lớn và trên những dự án lớn, được tiến hành một cách có hệ thống và có chiến lược

lâu dài. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN/AFTA và từng bước cải thiện môi trường đầu tư đã tăng thêm yếu tố hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài nói chung và Thái Lan nói riêng.

Tính đến nửa đầu năm 1997, đầu tư trực tiếp của Thái Lan đã đạt trên 1 tỷ USD, đứng hàng thứ 9 trong số các nước đầu tư vào Việt Nam. Trong những năm khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á, Thái Lan bị thiệt hại nặng nên đã mất khả năng tiếp tục mở rộng đầu tư mới và khôi phục các dự án đầu tư cũ ở Việt Nam. Sau cuộc khủng hoảng, Thái Lan tiếp tục khôi phục các dự án đầu tư cũ của mình ở Việt Nam⁽³⁾... Tính đến 11-2003, Thái Lan có 118 dự án đầu tư còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký trên 1,4 tỷ USD đứng hàng thứ hai trong ASEAN (sau Xingapo) và thứ 9 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam⁽⁴⁾.

Về lĩnh vực đầu tư. Hầu hết các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam đều thu hút đầu tư của Thái Lan. Những lĩnh vực đầu tư chủ yếu mà các nhà đầu tư Thái Lan có lợi thế là du lịch, khách sạn, mở rộng các cơ sở sản xuất và chế biến nông sản, chú trọng đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất hàng công nghiệp sử dụng nhiều nhân công rẻ như: xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm và hàng tiêu dùng.

Về địa bàn đầu tư. Cho đến nay, đầu tư của Thái Lan đã có mặt trên 20 tỉnh, thành phố của Việt Nam nhưng tập trung chủ yếu ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... là

những nơi đang hấp dẫn về đầu tư nước ngoài của Việt Nam⁽⁵⁾.

Về hiệu quả đầu tư. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phần lớn các dự án của Thái Lan đã và đang phát huy hiệu quả, nhất là trong lĩnh vực phát triển nông-lâm nghiệp.

Từ cuối năm 2003 trở đi, đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam có sự khởi sắc, nhiều nhà đầu tư Thái Lan đã trở lại Việt Nam và cảm thấy yên tâm kinh doanh ở đây.

3. Đầu tư của Malaixia

Việt Nam và Malaixia có quan hệ từ lâu. Hiện nay, Malaixia có nền kinh tế phát triển cao hàng thứ hai trong ASEAN - sau Xingapo. Năm 1976, hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ở cấp Đại sứ và từ đó, quan hệ hai nước không ngừng phát triển trên các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, văn hoá. Đầu tư của Malaixia vào Việt Nam cũng tăng lên nhanh chóng.

Tính đến hết năm 1995, Malaixia có 43 dự án với số vốn đầu tư 857 triệu USD và đến khoảng tháng 9-2003 có 107 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư là 1,078 tỷ USD, vốn thực hiện 1.080 triệu USD. Liên tục trong nhiều năm nay, dù việc thu hút đầu tư nước ngoài vào nước ta gặp những khó khăn do sự tác động của những biến động bất lợi của tình hình khu vực và thế giới, nhưng, năm nào Malaixia cũng có dự án mới đầu tư vào Việt Nam. Chỉ riêng 7 tháng đầu năm 2003, Malaixia có 14 dự án đầu tư, với số vốn đăng ký 40,6 triệu

USD. Tính đến 10-2004, Malaixia có 158 dự án đầu tư đang hoạt động tại Việt Nam, với số vốn đăng ký là 1,251.32 tỷ USD, trong đó đã thực hiện được khoảng 767 triệu USD. Như vậy, nếu so sánh vốn đăng ký thì Malaixia đứng thứ 12, nhưng về vốn thực hiện thì đứng thứ 9 trong số 64 nước và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Trong ASEAN thì Malaixia đứng thứ hai về vốn thực hiện (sau Xingapo)⁽⁶⁾.

Các dự án của Malaixia có mặt ở khoảng 20 tỉnh, thành phố và trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế quốc dân của nước ta. Theo đánh giá của các chuyên gia Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lĩnh vực thu hút nhiều vốn nhất và đạt nhiều hiệu quả nhất là lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí.

Dự án lớn nhất trong số các dự án đầu tư của Malaixia vào Việt Nam là dự án hợp tác cùng thăm dò và khai thác dầu khí giữa Petro Việt Nam với Petronas Carigali. Tổng chi phí cho giai đoạn thăm dò của dự án này là 74,6 triệu USD. Dự án lớn thứ hai là Liên doanh sản xuất ô tô Ngôi sao giữa Vietracimex của Việt Nam, Misubisi mô tô của Nhật và công ty National Proton của Malaixia chuyên lắp ráp ô tô, sản xuất phụ tùng ô tô với tổng số vốn đầu tư là 50 triệu USD; trong đó, vốn pháp định là 16 triệu USD, công suất thiết kế 5000 xe/năm, phía Việt Nam góp 25% số vốn, thời gian hoạt động là 20 năm. Trong công nghiệp, các nhà đầu tư Malaixia quan tâm nhiều đến công nghiệp nhẹ với 8 dự án và tổng vốn đầu tư là 434

triệu USD; công nghiệp nặng với 7 dự án và số vốn 31 triệu USD.

Về hiệu quả thực hiện. Trong thời gian qua, số dự án của Malaixia đầu tư vào Việt Nam bị giải thể không nhiều, đặc biệt, các dự án đã mang lại những kết quả bước đáng kể về tạo việc làm, doanh thu và xuất khẩu⁽⁷⁾.

4. Đầu tư của Philippin

Việt Nam và Philipin có quan hệ từ lâu đời và có nhiều nét tương đồng về văn hoá. Việt Nam và Philippin thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 12-7-1976.

Quan hệ hai nước trong 27 năm qua trải qua những bước thăng trầm nhưng từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX đến nay, phát triển theo chiều hướng tốt đẹp, nhất là khi Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN. Cho đến nay, hai nước đã ký được hơn 20 Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác và Nghị định thư về các lĩnh vực; trong đó Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư được ký tháng 2-1992.

Về đầu tư. Tính đến năm 1995, Philippin có 11 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn là 69 triệu USD; đến năm 2002 có 30 dự án với tổng số vốn đăng ký là 260 triệu USD, đứng hàng thứ 4 trong ASEAN và thứ 20 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam lúc đó. Đến tháng 10-2004, Philippin có 20 dự án đầu tư tại Việt Nam với số vốn là 230,12 tỷ USD.

Đầu tư của Philippin tuy quy mô không lớn nhưng tương đối ổn định, với một số dự án lớn như: lắp ráp ô tô Hoà

Bình trị giá 33,5 triệu USD, sản xuất bia và vỏ chai trị giá 47 triệu USD, sản xuất tân dược United Farma Inc. Trị giá 75 triệu USD (100% vốn nước ngoài)⁽⁸⁾.

5. Đầu tư của Indônêxia

Việt Nam và Indônêxia có quan hệ hữu nghị từ lâu. Tuy nhiên, đầu tư của Indônêxia vào nước ta còn hạn chế về số dự án và vốn; nguyên nhân, có lẽ do trong những năm gần đây, tình hình trong nước bạn còn gặp nhiều khó khăn. Đến khoảng tháng 11-2001, Indônêxia có 7 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 110 triệu USD, đứng thứ 25 trong số 60 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam lúc đó⁽⁹⁾ và đến 10-2004, có 12 dự án đầu tư vào Việt Nam với số vốn đăng ký là 123,05 triệu USD. Trong số các dự án đầu tư của Indônêxia ở Việt Nam được đánh giá cao có dự án của Công ty VIC Việt Nam sản xuất 5 hoạt chất tẩy rửa DBSA và Liên doanh Hotel Horsion Hà Nội.

6. Đầu tư của Lào

Việt Nam, Lào có mối quan hệ đặc biệt. Hai nước đã kề vai sát cánh với nhau trong công cuộc đấu tranh trường kỳ gian khổ để giành độc lập trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay. Tuy nhiên, do nền kinh tế còn kém phát triển nên đầu tư của Lào ra nước ngoài nói chung và vào Việt Nam nói riêng còn rất hạn chế. Đến năm 2002, Lào mới có 4 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn là 11,5 triệu USD, đứng thứ 43 trong số 57 nước và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt

Nam lúc đó. Trong số các dự án trên, có dự án liên doanh ba bên (với Việt Nam và Thái Lan) về lắp ráp xe gắn máy hai bánh đặt tại Hưng Yên, hoạt động từ năm 1995 sản xuất có hiệu quả. Một số dự án của Lào liên doanh với tỉnh Hải Dương hoạt động từ 7-2002⁽¹⁰⁾.

Brunây, cho đến nay có 3 dự án với số vốn đầu tư là 5,4 triệu USD⁽¹¹⁾.

II. MỘT VÀI NHẬN XÉT

1. Đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam chiếm một vị trí quan trọng trong đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong những năm qua. Nếu lấy thời điểm tháng 8-2003, các nước thành viên của ASEAN có khoảng 500 dự án đầu tư tại Việt Nam còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký chừng 9460 triệu USD, đã giải ngân khoảng 4085 triệu USD. Với con số trên, đầu tư của các nước ASEAN ở Việt Nam chiếm 15% số dự án và 24,5% số vốn đăng ký cùng 20% số vốn thực hiện của đầu tư nước ngoài tại Việt Nam⁽¹²⁾.

2. Có thể nói, đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam trong thời gian qua tuy có lên xuống thất thường, nhưng, tăng khá nhanh... Cũng bắt đầu đầu tư vào Việt Nam kể từ khi Việt Nam có luật đầu tư nước ngoài, nhưng cho đến nay, tổng số vốn đầu tư của 7 nước ASEAN đã vượt lên trên 12 nước EU đầu tư vào Việt Nam. Chẳng hạn tính đến tháng 10-2004, ASEAN có hơn 630 dự án với số vốn gần 11 tỷ USD đầu tư vào Việt Nam, trong khi 12 nước thành viên cũ của EU- có lợi thế hơn về

vốn, công nghệ- những yếu tố rất quan trọng khi đầu tư ra nước ngoài- mới có khoảng trên 400 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 6 tỷ USD; riêng số vốn của Xingapo đầu tư ở Việt Nam: hơn 7,961 tỷ USD cũng đã vượt cả vốn toàn EU⁽¹³⁾.

3. Đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam với hàng trăm dự án với hơn 10 tỷ USD đã có mặt trên hầu khắp các lĩnh vực của kinh tế- xã hội Việt Nam. Chẳng hạn: Xingapo đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, viễn thông, khách sạn, dịch vụ, khu công nghiệp; Malaixia đầu tư vào thăm dò và khai thác dầu khí, xây dựng khu chế xuất; Thái Lan đầu tư vào lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm, khách sạn, du lịch, khách sạn, văn phòng; Philippin đầu tư vào sản xuất và chế biến, lắp ráp ô tô, sản xuất thuốc tân dược...

4. Điểm tương đối khác giữa đầu tư của các nước thành viên ASEAN so với đầu tư của các nước thành viên EU, Nhật Bản, Hàn Quốc tại Việt Nam là ở chỗ: các nước thành viên ASEAN chủ yếu đầu tư vào xây dựng khách sạn, xây dựng khu công nghiệp, công nghệ nhẹ... trong khi các nước trong EU chủ yếu đầu tư vào công nghiệp nặng, các ngành có hàm lượng chất xám cao. Có điểm này, theo chúng tôi: các nước thành viên ASEAN là những nước đang phát triển với nền công nghiệp đang ở mức trung bình, họ không thể cạnh tranh nổi với các đối thủ EU, Nhật Bản, Hàn Quốc - những nước có nền công nghiệp phát triển - trên lĩnh vực công

nghiệp nặng, các ngành có hàm lượng chất xám cao; các nước thành viên ASEAN đã đứng khi đầu tư vào Việt Nam những ngành là thế mạnh của họ.

5. Ý nghĩa của đầu tư ASEAN ở Việt Nam. Đối với nước ta: Cùng với đầu tư nước ngoài nói chung đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam trong nhiều năm qua đã góp phần tích cực vào việc thúc đẩy sự tăng trưởng, năng động của nền kinh tế; bổ sung một nguồn vốn đáng kể cho đầu tư phát triển trong khi nước ta đang rất cần vốn; tạo thêm nhiều công ăn việc làm và ngành nghề mới, góp phần xoá đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho một bộ phận người lao động; góp phần đào tạo nguồn nhân lực, đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ quản lý có kinh nghiệm theo cơ chế mới; tạo điều kiện thuận lợi để nước ta hội nhập vào khu vực và thế giới... Từ đó góp phần vào việc tăng cường quan hệ giữa nước ta với các nước thành viên ASEAN.

Đối với các nước thành viên ASEAN: Qua việc đầu tư vào Việt Nam, những nước đầu tư sẽ mở rộng địa bàn đầu tư, tạo việc làm và tăng thu nhập cho cho một bộ phận người tham gia các dự án đầu tư, xuất khẩu được công nghệ (trong đó có thể có cả những công nghệ đã mất tính cạnh tranh ở trong nước và thế giới) ra nước ngoài, tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

Đối với toàn ASEAN: đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam đã góp phần làm năng động kinh tế (thương mại, đầu tư) trong khối, qua đó

thắt chặt thêm sự hợp tác, đoàn kết trong nội bộ ASEAN.

6. Tuy nhiên, cũng như đầu tư nước ngoài nói chung và đầu tư của các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam trong những năm qua không ổn định, lên xuống thất thường do còn phụ thuộc nhiều vào những biến động của tình hình trong nước, khu vực và quốc tế. Chẳng hạn, trong thời gian khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á vào cuối những năm 90 (thế kỷ XX) đầu tư của hầu hết các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam đều giảm, nhiều dự án được phê duyệt bị hủy bỏ vì thiếu vốn. Là những nước đang phát triển, nên công nghệ mà các nước thành viên ASEAN chuyển giao vào Việt Nam còn ở mức trung bình. Càng ngày, đầu tư của ASEAN vào Việt Nam càng phải cạnh tranh quyết liệt với đầu nhiều đối thủ có lợi thế hơn về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, cạnh tranh như EU, Nhật Bản, nhóm NICs châu Á...

7. Về triển vọng, chúng tôi nghĩ rằng: đầu tư của các nước thành viên ASEAN gặp không mấy thuận lợi do phải cạnh tranh với nhiều đối thủ có ưu thế hơn cũng như do tác động bất lợi từ tình hình trong nước, khu vực và thế giới; nhưng sẽ tiếp tục tăng vì những lý do sau đây:

Thứ nhất: tiềm năng của nhiều nước thành viên ASEAN còn lớn về vốn, công nghệ, nhất là Xingapo, Malaixia, Brunây.

Thứ hai: các nước thành viên ASEAN có nhiều nét tương đồng, gần gũi, lại đi trước nước ta trên con đường công

nghiệp hoá; có nhu cầu chuyển giao những ngành công nghiệp đã mất lợi thế cạnh tranh ở trong nước ra nước ngoài. Đầu tư vào Việt Nam, phần nào giúp các nước ASEAN thực hiện được mục đích này.

Thứ ba: Việt Nam đang có nhu cầu lớn về đầu tư nước ngoài để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, thuận lợi; nguồn nhân lực dồi dào, giá lao động rẻ; tài nguyên thiên nhiên phong phú; còn nhiều "khoảng trống" về đầu tư nước ngoài (những địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa...)

Thứ tư: Hội nghị ASEM -V tại Hà Nội tháng 10-2004 thành công tốt đẹp ra Tuyên bố về Hợp tác kinh tế Á- Âu chặt chẽ hơn với sự cam kết mạnh mẽ của các nước thành viên trong việc thúc đẩy hợp tác kinh tế trong Diễn đàn, trong đó có đầu tư; năm 2006 Hiệp định AFTA có hiệu lực đối với nước ta, sẽ góp phần thúc đẩy việc thu hút đầu tư từ các nước ASEAN... là những nhân tố khách quan thuận lợi để đầu tư các nước ASEAN vào Việt Nam sẽ tăng trong thời gian tới. Việc đầu tư của Thái Lan vào Việt Nam có khởi sắc trong thời gian gần đây là một là một trong những minh chứng cho dự báo đó.

CHÚ THÍCH

(1) Xem Thông tin tư liệu - TTXVN ngày 6-8-2003.

- (2) Xem: - Trần Thị Vinh: Quan hệ Việt Nam-Xingapo (1991-1998); T/c Nghiên cứu Đông Nam Á; số 6-1999; Tr.37-38.
-VietNam Investment Review- Đầu tư 10-2004; Tr.34.
- Xem Báo Đầu tư số ra ngày 5-3-2004.
- Xem Thông tin tư liệu- TTXVN ngày 10-12-2003.
- (3) Xem Nguyễn Xuân Thắng: 25 năm quan hệ kinh tế Việt Nam - Thái Lan và triển vọng; Những vấn đề kinh tế thế giới; số 4(72) 2001; tr.28,29.
- (4)(5) Xem Báo Đầu tư số ra ngày 8-12-2003,14-3-2003.
- (6)(7) Xem:-Báo Đầu tư ra ngày 9-8-2003, 10-3-2004.
- Phạm Thị Miên: Quan hệ hữu nghị Việt Nam - Malaixia và triển vọng; Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế; Số 51-2003; Tr.11-18 .
- Vietnam Investment Review- Đầu tư 10-2004; Tr.34.
- (8) Xem: -Thông tin tư liệu- TTXVN ngày 10-12-2003.
-VietNam Investment Review- Đầu tư 10-2004; Tr.34.
- (9) Xem Báo Đầu tư số ra ngày 14-11-2001.
- (10) Xem Nguyễn Đình Bá: Hợp tác đầu tư Việt Nam - Lào: thực trạng và giải pháp; T/c Nghiên cứu Đông Nam Á; số 4-2002; tr.46.
- (11) Xem VietNam Investment Review- Đầu tư 10-2004; Tr.34.
- (12) Xem Báo Đầu tư số ra ngày 9-8-2003.
- (13) Xem VietNam Investment Review- Đầu tư 10-2004; Tr.34.